

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**



---

Tháng 3 năm 2016

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hoá dầu VP (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Đức Giang	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Minh	Ủy viên
Ông Đặng Minh Thao	Ủy viên

#### Ban Giám đốc

Ông Đặng Minh Thao	Giám đốc
--------------------	----------

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đặng Minh Thao  
Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2016



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 13.03/2016/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 08 tháng 03 năm 2016, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần vận tải hóa dầu VP tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên (Tiếp theo)

Vấn đề nhân mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính vấn đề sau:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, tổng Nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty vượt quá tổng Tài sản ngắn hạn với số tiền là 27.189.717.621 đồng. Lỗi lũy kế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 18.761.670.713 đồng. Các yếu tố này gây ra nghi ngờ về tính hoạt động liên tục của Công ty. Khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn chủ yếu là do khoản nợ phải trả của Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hồng Hà tăng trong năm do giá trị quyết toán vốn đầu tư của hai tàu VP1 và VP2 (số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 19.381.193.869 đồng, chiếm 42% tổng nợ ngắn hạn). Đối với dự án đóng tàu VP1 và VP2 Công ty nhận được tài trợ vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đống Đa thông qua hợp đồng tín dụng số 062010/VP/HĐTDDH ngày 09 tháng 09 năm 2010 với tổng hạn mức vay là 19.646.604 USD. Số tiền ngân hàng tiếp tục giải ngân cho dự án sau thời điểm 31/12/2015 là 733.158,22 USD (tương đương 16.510.723.114 đồng). Đồng thời, Công ty đã được ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu Petrolimex - chi nhánh Hà Nội cấp hạn mức tín dụng cho năm 2016 theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 106.1346/2015/HĐTĐHM -DN/PGBHN ngày 30 tháng 12 năm 2015 số tiền là 10 tỷ đồng. Ngoài ra, theo kế hoạch của Ban Giám đốc trong năm 2016 giá dầu có xu hướng giảm nên khả năng Công ty giảm được chi phí và tăng lợi nhuận đủ bù đắp cho phần vốn lưu động còn thiếu. Do đó, Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm các dự đoán có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.



Nguyễn Nam Cường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1950-2013-072-01  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn  
Tài chính Quốc tế (IFC)  
Ngày 08 tháng 03 năm 2016

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Hải Ninh", with a horizontal line underneath.

Tạ Hải Ninh  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1613-2013-072-01

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>19.504.981.079</b>	<b>25.562.627.145</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.205.554.315</b>	<b>9.969.298.139</b>
1. Tiền	111	V.1	1.205.554.315	4.969.298.139
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>736.836.683</b>	<b>7.797.843.671</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		11.971.238	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.2	415.973.176	6.794.584.576
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	308.892.269	1.003.259.095
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>7.290.232.404</b>	<b>4.986.872.825</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.290.232.404	4.986.872.825
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.272.357.677</b>	<b>2.808.612.510</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	733.865.910	420.815.957
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.538.491.767	2.387.796.553
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>491.667.308.676</b>	<b>473.032.266.605</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>81.730.578</b>	<b>81.730.578</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	81.730.578	81.730.578
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>490.857.998.175</b>	<b>469.858.996.424</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	490.857.998.175	469.858.996.424
- Nguyên giá	222		561.458.584.711	516.421.809.071
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.600.586.536)	(46.562.812.647)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>727.579.923</b>	<b>3.091.539.603</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	727.579.923	2.398.367.746
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	693.171.857
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>511.172.289.755</b>	<b>498.594.893.750</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>378.266.697.215</b>	<b>373.620.103.281</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>46.694.698.700</b>	<b>25.134.534.775</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	26.751.210.602	8.116.161.892
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	13.072.993.078	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		26.500.000	10.401.583
3. Phải trả người lao động	314		561.807.124	79.250.609
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		583.367.617	946.847.260
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		515.438.873	580.492.025
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9	5.179.600.000	15.393.600.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.781.406	7.781.406
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>331.571.998.515</b>	<b>348.485.568.506</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	21.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10	331.571.998.515	327.187.670.345
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	297.898.161
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>132.905.592.540</b>	<b>124.974.790.469</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>132.905.592.540</b>	<b>124.974.790.469</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.761.770.000	150.761.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.761.770.000	150.761.770.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		905.029.707	905.029.707
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.761.207.167)	(26.692.009.238)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(27.137.205.638)	(28.448.070.384)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.375.998.471	1.756.061.146
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>511.172.289.755</b>	<b>498.594.893.750</b>



Trần Thị Nga  
 Người lập biểu



Vũ Thị Mai  
 Kế toán trưởng



Đặng Minh Thao  
 Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	145.710.032.857	143.884.855.350
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		145.710.032.857	143.884.855.350
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	96.331.174.907	112.337.619.311
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.378.857.950	31.547.236.039
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	886.138.574	2.333.464.182
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	37.486.065.316	28.481.497.495
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.697.049.414	20.780.148.643
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.113.077.293	3.033.851.384
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.665.853.915	2.365.351.342
9. Thu nhập khác	31	VI.5	2.152.824.172	2.327.454.630
10. Chi phí khác	32	VI.6	2.047.405.920	2.497.729.540
11. Lợi nhuận khác	40		105.418.252	(170.274.910)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.771.272.167	2.195.076.432
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.7	395.273.696	439.015.286
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.375.998.471	1.756.061.146
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	523	87




Trần Thị Nga  
 Người lập biểu



Vũ Thị Mai  
 Kế toán trưởng



  
 Đặng Minh Thao  
 Giám đốc  
 Ngày 08 tháng 03 năm 2016



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 03-DN  
 Đơn vị: VND

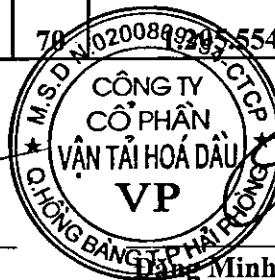
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>8.771.272.167</b>	<b>2.195.076.432</b>
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	24.001.350.114	23.599.695.498
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	16.515.104.200	4.729.294.507
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(52.063.410)	-
Chi phí lãi vay	06	17.697.049.414	20.780.148.643
<b>2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>66.932.712.485</b>	<b>51.304.215.080</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(734.808.226)	(4.979.982.513)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.303.359.579)	(809.121.769)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.123.689.159)	10.969.980.454
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.357.737.870	1.000.706.674
Tiền lãi vay đã trả	14	(17.219.774.285)	(20.751.114.366)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.180.543.769	2.135.214.221
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.047.405.920)	(2.650.897.908)
	<b>20</b>	<b>42.041.956.955</b>	<b>36.218.999.873</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(28.535.454.545)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.063.410	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(28.483.391.135)</b>	<b>-</b>
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	19.764.800.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(42.086.250.000)	(43.094.641.089)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.430.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(22.321.450.000)</b>	<b>(43.097.071.089)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(8.762.884.180)</b>	<b>(6.878.071.216)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.969.298.139	16.839.447.110
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(859.644)	7.922.245
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>(9.293.554.315)</b>	<b>9.969.298.139</b>




Trần Thị Nga  
 Người lập biểu



Vũ Thị Mai  
 Kế toán trưởng



  
 Đặng Minh Thao  
 Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2016

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,  
P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 09-DN

## I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203004237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2008.

Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP được thành lập bởi 03 cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex (PLC), Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (VIPCO) và Ông Nguyễn Quang Minh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0200809454 thay đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 01 tháng 04 năm 2014, Công ty có vốn điều lệ là 150.761.770.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ bảy trăm sáu mươi một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng), mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 8 người (31 tháng 12 năm 2014 là 7 người).

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Hoạt động chính của Công ty là: vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Các sự kiện phát sinh trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 883/QĐ-SGDHN với những nội dung sau:

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: VPA
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 15.076.177 cổ phiếu
- Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 150.761.770.000 đồng

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một đơn vị hoạt động duy nhất tại trụ sở Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

## II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,  
P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

## II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

### Cơ sở lập báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Như đã trình bày trên Báo cáo tài chính, tổng Nợ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty vượt quá tổng Tài sản ngắn hạn với số tiền là 27.189.717.621 đồng. Lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 18.761.670.713 đồng. Các yếu tố này gây ra nghi ngờ về tính hoạt động liên tục của Công ty.

Khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn chủ yếu là do khoản nợ phải trả của Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hồng Hà tăng trong năm do giá trị quyết toán vốn đầu tư của hai tàu VP1 và VP2 (số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 19.381.193.869 đồng, chiếm 42% tổng nợ ngắn hạn). Đối với dự án đóng tàu VP1 và VP2 Công ty nhận được tài trợ vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đống Đa thông qua hợp đồng tín dụng số 062010/VP/HĐTDDH ngày 09 tháng 09 năm 2010 với tổng hạn mức vay là 19.646.604 USD. Số tiền ngân hàng tiếp tục giải ngân cho dự án sau thời điểm 31/12/2015 là 733.158,22 USD (tương đương 16.510.723.114 đồng). Đồng thời, Công ty đã được ngân hàng thương mại cổ phần xăng dầu Petrolimex - chi nhánh Hà Nội cấp hạn mức tín dụng cho năm 2016 theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 106.1346/2015/HĐTDDH -DN/PGBHN ngày 30 tháng 12 năm 2015 số tiền là 10 tỷ đồng. Ngoài ra, theo kế hoạch của Ban Giám đốc trong năm 2016 giá dầu có xu hướng giảm nên khả năng Công ty giảm được chi phí và tăng lợi nhuận đủ bù đắp cho phần vốn lưu động còn thiếu. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là hợp lý.

### Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

### Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: nhật ký chung trên máy tính.

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

###### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao của hai tàu VP1 và VP2 đã được Bộ tài chính phê duyệt theo công văn số 9426/BTC-TCĐN ngày 13 tháng 07 năm 2015. Theo đó, Công ty thực hiện trích khấu hao đối 02 tàu VP1 và VP2 với thời gian là 22 năm (theo quy định của pháp luật hiện hành, thời gian khấu hao tối đa đối với 02 tài sản trên là 15 năm).

Thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	04 - 22
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10

**Các khoản chi phí trả trước**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo hiểm, công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ ba tháng trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo Công văn số 1099/CT-TT&HT ngày 29 tháng 07 năm 2008 của Cục thuế Hải Phòng, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo kể từ khi dự án đầu tư vào ngành vận tải hàng hoá viễn dương có thu nhập chịu thuế. Công ty được hưởng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi đầu tư vào ngành vận tải hàng hoá viễn dương có doanh thu. Năm 2012 là năm đầu tiên có doanh thu, năm 2014 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ hoạt động vận tải. Do đó năm 2015 là năm Công ty được thuế thu nhập doanh nghiệp.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải

nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP**

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,

P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	81.348.733	273.590.329
Tiền gửi ngân hàng	1.124.205.582	4.695.707.810
<b>Cộng</b>	<b><u>1.205.554.315</u></b>	<b><u>4.969.298.139</u></b>

**2. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Công ty TNHH TNHH MTV Đóng tàu Hồng Hà	-	6.000.000.000
- KUDRAT MARITIME MALAYSIA SDN BHD	99.826.881	175.419.907
- Đại lý V.Ship Hansen	89.251.264	135.809.181
- PT BUANA LISTYA TAMA	130.818.680	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	96.076.351	483.355.488
<b>Cộng</b>	<b><u>415.973.176</u></b>	<b><u>6.794.584.576</u></b>

**3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	192.689.069	-	215.026.095	-
Phải thu tiền bồi thường của bảo hiểm	-	-	788.233.000	-
Phải thu khác	116.203.200	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>308.892.269</u></b>	<b>-</b>	<b><u>1.003.259.095</u></b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược ký quỹ dài hạn	81.730.578	-	81.730.578	-
<b>Cộng</b>	<b><u>81.730.578</u></b>	<b>-</b>	<b><u>81.730.578</u></b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP**

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,

P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****4. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.047.034.566	-	4.962.172.825	-
Công cụ, dụng cụ	20.480.000	-	24.700.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	222.717.838	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.290.232.404</b>	<b>-</b>	<b>4.986.872.825</b>	<b>-</b>

**5. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	-	516.421.809.071	516.421.809.071
Tăng khác	36.423.775	45.000.351.865	45.036.775.640
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>36.423.775</b>	<b>561.422.160.936</b>	<b>561.458.584.711</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	-	46.562.812.647	46.562.812.647
Khấu hao trong năm	-	24.001.350.114	24.001.350.114
Tăng khác	36.423.775	-	36.423.775
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>36.423.775</b>	<b>70.564.162.761</b>	<b>70.600.586.536</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2015	-	469.858.996.424	469.858.996.424
Tại ngày 31/12/2015	-	490.857.998.175	490.857.998.175

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 490.617.417.273 đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP**Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,  
P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. Chi phí trả trước**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí mua bảo hiểm chờ phân bổ	729.361.910	409.387.957
- Chi phí trả trước khác	4.504.000	11.428.000
<b>Cộng</b>	<b>733.865.910</b>	<b>420.815.957</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	727.579.923	82.986.583
- Lỗi chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư chờ phân bổ	-	2.315.381.163
<b>Cộng</b>	<b>727.579.923</b>	<b>2.398.367.746</b>

**7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Công ty TNHH TNHH MTV Đóng tàu Hồng Hà	19.381.193.869	19.381.193.869	-	-
- Petrolimex Singapore Pte Ltd	-	-	3.870.320.700	3.870.320.700
- Công ty CPTM Phương Tiến Đạt	-	-	2.360.466.250	2.360.466.250
- Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	1.296.000.000	1.296.000.000	1.296.000.000	1.296.000.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	6.074.016.733	6.074.016.733	589.374.942	589.374.942
<b>Cộng</b>	<b>26.751.210.602</b>	<b>26.751.210.602</b>	<b>8.116.161.892</b>	<b>8.116.161.892</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP**

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,

P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. Phải trả người bán ngắn hạn (Tiếp theo)****b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

- Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO	1.296.000.000	1.296.000.000	1.296.000.000	1.296.000.000
- Chi nhánh Công ty TNHH VIPCO Hạ Long tại Hải Phòng	118.993.901	118.993.901	-	-
- Công ty TNHH VIPCO Hạ Long	1.795.311.000	1.795.311.000	-	-
- Công ty TNHH thuyền viên VIPCO	847.076.099	847.076.099	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.057.381.000</b>	<b>4.057.381.000</b>	<b>1.296.000.000</b>	<b>1.296.000.000</b>

**8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	13.072.993.078	13.072.993.078	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.072.993.078</b>	<b>13.072.993.078</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn***Vay ngắn hạn*

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND				VND
Vay ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	5.179.600.000	5.179.600.000	5.179.600.000	-	15.393.600.000	15.393.600.000
	5.179.600.000	5.179.600.000	-	-	15.393.600.000	15.393.600.000
<i>Xem thuyết minh số V.10</i>						
<b>Cộng</b>	<b>5.179.600.000</b>	<b>5.179.600.000</b>	<b>5.179.600.000</b>	<b>-</b>	<b>15.393.600.000</b>	<b>15.393.600.000</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015  
**MẪU SỐ B 09-DN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP**  
Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,  
P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

10. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	336.751.598.515	336.751.598.515	36.278.578.170	42.108.250.000	342.581.270.345	342.581.270.345
	336.751.598.515	336.751.598.515	36.278.578.170	42.108.250.000	342.581.270.345	342.581.270.345
- Đồng tài trợ bởi Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đông Đa	5.179.600.000	5.179.600.000			15.393.600.000	15.393.600.000
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số V.9)						
<b>Cộng</b>	<b>331.571.998.515</b>	<b>331.571.998.515</b>	<b>36.278.578.170</b>	<b>42.108.250.000</b>	<b>327.187.670.345</b>	<b>327.187.670.345</b>

Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 062010/VP/HBTDDH, bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex và Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đông Đa. Tổng hạn mức vay là 19.646.604 USD (trong đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex là 8.506.604 USD và Ngân hàng Indovina là 11.140.000 USD), thời gian vay tối đa là 120 tháng kể từ lần rút vốn đầu tiên, lãi suất cho vay theo lãi suất trung bình của lãi suất tiết kiệm huy động tiền gửi dân cư bằng Đô la Mỹ kỳ hạn 12 tháng loại trả sau của Ngân hàng Indovina và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex. Mục đích vay để thanh toán khoản tiền đóng tàu tại Công ty Hồng Hà, các chi phí thiết bị cung cấp cho công ty đóng tàu và các chi phí khác liên quan đến Dự án. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ con tàu hình thành từ khoản vay do Ngân hàng tài trợ và vốn tự có của Công ty. Thời gian ân hạn là 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đối với tàu số 1 (VP1) và 24 tháng đối với tàu số 2 (VP2), lãi sẽ được tự động nhập gốc. Thời gian thanh toán số dư nợ gốc của các khoản vay là ba tháng một lần, bắt đầu từ ngày 26 của tháng thứ 30 kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi vay trả vào ngày 27 hàng tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP**  
Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,  
P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015  
**MÀU SỐ B 09-DN**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu trả nợ vay như sau

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.179.600.000	15.393.600.000
Trong năm thứ hai	31.753.200.000	31.214.800.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	106.294.400.000	97.706.600.000
Sau năm năm	193.524.398.515	198.266.270.345
<b>Cộng</b>	<b>336.751.598.515</b>	<b>342.581.270.345</b>
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả trong vay ngắn hạn	5.179.600.000	15.393.600.000
<b>Cộng</b>	<b>331.571.998.515</b>	<b>327.187.670.345</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. Vốn chủ sở hữu**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	150.761.770.000	905.029.707	(28.264.500.384)	123.402.299.323
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	1.756.061.146	1.756.061.146
Phân phối lợi nhuận	-	-	(183.570.000)	(183.570.000)
Số dư tại ngày 01/01/2015	150.761.770.000	905.029.707	(26.692.009.238)	124.974.790.469
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	8.375.998.471	8.375.998.471
Phân phối lợi nhuận	-	-	(445.196.400)	(445.196.400,00)
Số dư tại ngày 31/12/2015	150.761.770.000	905.029.707	(18.761.207.167)	132.905.592.540

*Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	31/12/2015 VND	Tỉ lệ %	01/01/2015 VND	Tỉ lệ %
Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco	68.000.000.000	45,10%	68.000.000.000	45,10%
Công ty cổ phần hóa dầu Petrolimex	66.000.000.000	43,78%	66.000.000.000	43,78%
Các cổ đông khác	16.761.770.000	11,12%	16.761.770.000	11,12%
<b>Cộng</b>	<b>150.761.770.000</b>	<b>100%</b>	<b>150.761.770.000</b>	<b>100%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

*Cổ phiếu*

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	<u>Cổ phần</u>	<u>Cổ phần</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.076.177	15.076.177
- Cổ phiếu phổ thông	15.076.177	15.076.177
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.076.177	15.076.177
- Cổ phiếu phổ thông	15.076.177	15.076.177
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**12. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

*Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty mới kết thúc quá trình đầu tư và đi vào hoạt động vì vậy Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là vận tải hàng hóa. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

*Bộ phận theo khu vực địa lý*

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có duy nhất trụ sở đặt tại phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và không có văn phòng hay chi nhánh tại các địa điểm khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP**

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,

P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MÃ SỐ B 09-DN****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	145.710.032.857	143.884.855.350
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	145.710.032.857	143.884.855.350

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	96.331.174.907	112.337.619.311
<b>Cộng</b>	<b>96.331.174.907</b>	<b>112.337.619.311</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	52.063.410	39.690.436
Lãi chênh lệch tỷ giá	760.119.816	2.293.773.746
Doanh thu hoạt động tài chính khác	73.955.348	-
<b>Cộng</b>	<b>886.138.574</b>	<b>2.333.464.182</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	17.697.049.414	20.780.148.643
Lỗ chênh lệch tỷ giá	19.789.015.902	7.701.348.852
<b>Cộng</b>	<b>37.486.065.316</b>	<b>28.481.497.495</b>

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Bảo hiểm bồi thường khắc phục sự cố tàu	2.152.824.172	2.327.454.630
<b>Cộng</b>	<b>2.152.824.172</b>	<b>2.327.454.630</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP**

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,

P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 09-DN****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****6. Chi phí khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí khắc phục sự cố tàu	2.047.405.920	2.493.729.540
Các khoản khác	-	4.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.047.405.920</b>	<b>2.497.729.540</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(297.898.161)	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	693.171.857	439.015.286
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.</b>	<b>395.273.696</b>	<b>439.015.286</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận sau thuế	8.375.998.471	1.756.061.146
Trừ: Trích thù lao HĐQT ước tính	(488.949.570)	(445.196.400)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.887.048.901	1.310.864.746
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.076.177	15.076.177
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>523</b>	<b>87</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.473.582.663	55.328.785.526
Chi phí nhân công	12.545.619.626	9.966.721.341
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.001.350.114	23.599.695.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.150.152.934	17.452.370.087
Chi phí khác bằng tiền	28.273.546.863	9.023.898.243
<b>Cộng</b>	<b>100.444.252.200</b>	<b>115.371.470.695</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại V.6 “Vay và nợ dài hạn” trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV. “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu”.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.205.554.315	9.969.298.139
Phải thu khách hàng và phải thu khác	402.594.085	1.084.989.673
<b>Cộng</b>	<b>1.689.878.978</b>	<b>11.136.018.390</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	336.751.598.515	342.581.270.345
Phải trả người bán và phải trả khác	27.266.649.475	580.492.025
Chi phí phải trả	583.367.617	946.847.260
<b>Cộng</b>	<b>364.601.615.607</b>	<b>344.108.609.630</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản tài chính và công nợ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Đồng đô la Mỹ (USD)	350.170.215.774	346.618.326.182	1.007.364.834	3.962.554.448
Đồng Đô la Singapor	801.048.084	20.611.584	-	961.833.761
Đồng tiền (EUR)	333.403.670	-	-	-

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2015</b>				
Tiền & các khoản tương đương tiền	1.205.554.315	-	-	1.205.554.315
Phải thu khách hàng và phải thu khác	320.863.507	81.730.578	-	402.594.085
<b>Cộng</b>	<b>1.526.417.822</b>	<b>81.730.578</b>	<b>-</b>	<b>1.608.148.400</b>
<b>31/12/2015</b>				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	5.179.600.000	138.047.600.000	193.524.398.515	336.751.598.515
Phải trả người bán và phải trả khác	27.266.649.475	-	-	27.266.649.475
Chi phí phải trả	583.367.617	-	-	583.367.617
<b>Cộng</b>	<b>33.029.617.092</b>	<b>138.047.600.000</b>	<b>193.524.398.515</b>	<b>364.601.615.607</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(31.503.199.270)</b>	<b>(137.965.869.422)</b>	<b>(193.524.398.515)</b>	<b>(362.993.467.207)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP**

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,

P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MÃU SỐ B 09-DN****VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>01/01/2015</b>				
Tiền & các khoản tương đương tiền	9.969.298.139	-	-	9.969.298.139
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.003.259.095	81.730.578	-	1.084.989.673
<b>Cộng</b>	<b>10.972.557.234</b>	<b>81.730.578</b>	<b>-</b>	<b>11.054.287.812</b>
<b>01/01/2015</b>				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	15.393.600.000	128.921.400.000	198.266.270.345	342.581.270.345
Phải trả người bán và phải trả khác	580.492.025	-	-	580.492.025
Chi phí phải trả	946.847.260	-	-	946.847.260
<b>Cộng</b>	<b>16.920.939.285</b>	<b>128.921.400.000</b>	<b>198.266.270.345</b>	<b>344.108.609.630</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(5.948.382.051)</b>	<b>(128.839.669.422)</b>	<b>(198.266.270.345)</b>	<b>(333.054.321.818)</b>

**2. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco  
 Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long  
 Công ty TNHH MTV thuyền viên Vipco  
 Công ty TNHH MTV Bất động sản Vipco  
 Trường cao đẳng nghề Duyên Hải  
 Công ty cổ phần hóa dầu Petrolimex  
 Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex  
 Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex  
 Ông Nguyễn Văn Khánh  
 Ông Nguyễn Đình Thanh  
 Ông Ngô Đức Giang  
 Ông Nguyễn Quang Minh  
 Ông Đặng Minh Thao

**Mối quan hệ**

Chủ sở hữu  
 Công ty con của chủ sở hữu  
 Công ty con của chủ sở hữu  
 Công ty con của chủ sở hữu  
 Công ty con của chủ sở hữu  
 Chủ sở hữu  
 Công ty con của chủ sở hữu  
 Công ty con của chủ sở hữu  
 Chủ tịch Hội Đồng Quản trị  
 Thành viên Hội Đồng Quản trị  
 Thành viên Hội Đồng Quản trị  
 Thành viên Hội Đồng Quản trị  
 Thành viên Hội Đồng Quản trị kiêm Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP**

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,  
P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

*Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:*

*Nhận cung cấp dịch vụ*

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ	-	
Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Vipco	1.274.307.288	1.296.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH VIPCO Hạ Long tại Hải Phòng	113.822.464	-
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	6.561.765.629	-
Công ty TNHH MTV Bất động sản Vipco	351.139.200	-
Công ty TNHH MTV thuyền viên Vipco	6.091.782.981	-

*Thu nhập của Ban Giám đốc*

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	463.915.585	367.676.434
<b>Cộng</b>	<b>463.915.585</b>	<b>367.676.434</b>

**3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP**

Phòng 7.03, Central Tower, 43 Quang Trung,

P.Quang Trung, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)**

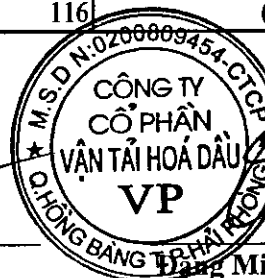
TÀI SẢN	Số liệu trình bày tại 31/12/2014 (Quyết định 15)		Thay đổi	Số liệu trình bày tại 01/01/2015 (Thông tư 200)	
	Mã số	Số tiền		Số tiền	Mã số
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>25.562.627.145</b>	<b>(25.562.627.145)</b>	<b>100</b>	<b>-</b>
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7.582.817.576	(7.582.817.576)	130	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	788.233.000	215.026.095	136	1.003.259.095
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	3.023.638.605	(3.023.638.605)	150	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	152	215.026.095	(215.026.095)	152	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>473.032.266.605</b>	<b>-</b>	<b>200</b>	<b>473.032.266.605</b>
I Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	210	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	-	81.730.578	216	81.730.578
III. Tài sản dài hạn khác	260	3.173.270.181	(3.173.270.181)	260	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	81.730.578	(81.730.578)	262	-

NGUỒN VỐN	Số liệu trình bày tại 31/12/2014 (Quyết định 15)		Thay đổi	Số liệu trình bày tại 01/01/2015 (Thông tư 200)	
	Mã số	Số tiền		Số tiền	Mã số
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>373.620.103.281</b>	<b>-</b>	<b>300</b>	<b>373.620.103.281</b>
I. Nợ ngắn hạn	310	30.740.934.775	(5.606.400.000)	310	25.134.534.775
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	21.000.000.000	(21.000.000.000)	312	-
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	-	15.393.600.000	320	15.393.600.000
II. Nợ dài hạn	330	342.879.168.506	5.606.400.000	330	348.485.568.506
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	21.000.000.000	332	21.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334	342.581.270.345	(15.393.600.000)	341	327.187.670.345
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>124.974.790.469</b>	<b>-</b>	<b>400</b>	<b>124.974.790.469</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	124.974.790.469	-	410	124.974.790.469
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	584.911.696	320.118.011	418	905.029.707
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	320.118.011	(320.118.011)	-	-

CHỈ TIÊU	Số liệu trình bày năm 2014 (Quyết định 15)		Thay đổi	Số liệu trình bày năm 2015 (Thông tư 200)	
	Mã số	Số tiền		Số tiền	Mã số
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	116	(29)	70	87

*Hugo?*  
Trần Thị Nga  
Người lập biểu

*Ma*  
Vũ Thị Mai  
Kế toán trưởng



*Đ*  
Đặng Minh Thao  
Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2015